

## QUYẾT ĐỊNH

### **Ban hành “Quy trình, thủ tục chứng nhận hợp chuẩn áp dụng tại các tổ chức chứng nhận thuộc Cục Viễn thông”**

#### CỤC TRƯỞNG CỤC VIỄN THÔNG

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 35/2011/QĐ-TTg ngày 27/06/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Viễn thông trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Chất lượng,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy trình, thủ tục chứng nhận hợp chuẩn áp dụng tại các tổ chức chứng nhận thuộc Cục Viễn thông”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 75/QĐ-QLCL ngày 20/04/2010 của Cục trưởng Cục quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và truyền thông ban hành “Quy trình, thủ tục chứng nhận hợp chuẩn áp dụng tại các tổ chức chứng nhận thuộc Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và truyền thông”, Quyết định số 106/QĐ-QLCL ngày 21/6/2011 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và truyền thông về việc “sửa đổi, bổ sung Quyết định số 75/QĐ-QLCL ngày 20/4/2010 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và truyền thông” và Quyết định số 146/QĐ-QLCL ngày 25/6/2009 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và truyền thông ban hành “Danh mục sản phẩm và mức thu chứng nhận hợp chuẩn”.

**Điều 3.** Chánh Văn Phòng, Trưởng phòng Chất lượng, Giám đốc Trung tâm Kiểm định và Chứng nhận 1, Giám đốc Trung tâm Kiểm định và Chứng nhận 2, Giám đốc Trung tâm Kiểm định và Chứng nhận 3 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các Phó Cục trưởng;
- Website Cục Viễn thông;
- Lưu VT, CL.

CỤC TRƯỞNG

(Đã ký)

**Phạm Hồng Hải**

**QUY TRÌNH, THỦ TỤC CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN  
ÁP DỤNG TẠI CÁC TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN THUỘC CỤC VIỄN  
THÔNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 350/QĐ-CVT ngày 12 tháng 9 năm 2013  
của Cục trưởng Cục Viễn thông)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Văn bản này quy định quy trình, thủ tục cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn đối với sản phẩm, hàng hóa điện tử, viễn thông và công nghệ thông tin (sau đây gọi chung là sản phẩm) tại Trung tâm Kiểm định và Chứng nhận 1, Trung tâm Kiểm định và Chứng nhận 2, Trung tâm Kiểm định và Chứng nhận 3 trực thuộc Cục Viễn thông (sau đây gọi là các Tổ chức chứng nhận).

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Chứng nhận hợp chuẩn* là việc xác nhận sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng.
- Công bố hợp chuẩn* là việc tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn tương ứng.
- Đo kiểm sản phẩm* là việc xác định một hay nhiều đặc tính kỹ thuật của sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng.
- Đơn vị đo kiểm* là đơn vị có năng lực thực hiện được việc đo kiểm các đặc tính kỹ thuật của sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng.
- Đơn vị đo kiểm được chỉ định* là đơn vị đo kiểm được Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định để thực hiện đo kiểm sản phẩm thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông..
- Đơn vị đo kiểm được thừa nhận* là đơn vị đo kiểm nước ngoài được Bộ Thông tin và Truyền thông thừa nhận trong khuôn khổ thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau.
- Đơn vị đo kiểm được công nhận* là đơn vị đo kiểm có đủ năng lực và được công nhận bởi Tổ chức công nhận có thẩm quyền.
- Đơn vị đo kiểm được Tổ chức chứng nhận công nhận* là đơn vị đo kiểm được công nhận bởi Tổ chức chứng nhận đối với các phép đo mà các đơn vị đo kiểm được chỉ định, thừa nhận và công nhận chưa đáp ứng được

9. *Chứng nhận lại* là trường hợp chứng nhận cho sản phẩm đã được Tổ chức chứng nhận cấp giấy chứng nhận nếu tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận trước thời điểm giấy chứng nhận hết hiệu lực một (01) tháng.

10. *Chứng nhận mở rộng* là trường hợp chứng nhận cho sản phẩm có cùng quá trình sản xuất với sản phẩm đã được cấp giấy chứng nhận và tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận tại thời điểm cách thời điểm đánh giá gần nhất không quá sáu (06) tháng.

### **Điều 3. Hoạt động chứng nhận hợp chuẩn và công bố hợp chuẩn**

1. Chứng nhận hợp chuẩn và công bố hợp chuẩn là hoạt động tự nguyện đối với mọi tổ chức, cá nhân.

2. Các tổ chức, cá nhân sau khi được cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn và quyền sử dụng dấu hợp chuẩn được phép gắn, dán hoặc in dấu hợp chuẩn cho sản phẩm tương ứng và công bố hợp chuẩn. Nguyên tắc, trình tự, hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

### **Điều 4. Tiêu chuẩn chứng nhận hợp chuẩn**

Tiêu chuẩn áp dụng chứng nhận hợp chuẩn bao gồm:

- 1) Tiêu chuẩn quốc gia;
- 2) Tiêu chuẩn quốc tế;
- 3) Tiêu chuẩn khu vực;
- 4) Tiêu chuẩn nước ngoài.

### **Điều 5. Đo kiểm sản phẩm chứng nhận hợp chuẩn**

1. Đơn vị đo kiểm sản phẩm chứng nhận hợp chuẩn là các đơn vị sau đây:

- a) Đơn vị đo kiểm được chỉ định;
- b) Đơn vị đo kiểm được thừa nhận;
- c) Đơn vị đo kiểm được công nhận;
- d) Đơn vị đo kiểm được Tổ chức chứng nhận công nhận.

2. Các đơn vị đo kiểm phải chịu trách nhiệm trước cơ quan có thẩm quyền về tính chính xác của các kết quả đo kiểm.

### **Điều 6. Giấy chứng nhận hợp chuẩn**

1. Giấy chứng nhận hợp chuẩn được cấp cho từng chủng loại sản phẩm.

2. Các mẫu Giấy chứng nhận:

- a) Mẫu Giấy chứng nhận quy định tại Phụ lục I-A của văn bản này:
  - Cấp cho sản phẩm được chứng nhận theo Phương thức 1 (quy định tại khoản 1, Điều 9 của văn bản này);

- Có giá trị cho từng lô sản phẩm;
  - Chứng nhận sản phẩm phù hợp hoàn toàn tiêu chuẩn.
- b) Mẫu Giấy chứng nhận quy định tại Phụ lục I-B của văn bản này:
- Cấp cho sản phẩm được chứng nhận theo Phương thức 2 (quy định tại khoản 2, Điều 9 của văn bản này);
  - Có thời hạn ba (03) năm;
  - Chứng nhận sản phẩm phù hợp hoàn toàn tiêu chuẩn.
- c) Mẫu Giấy chứng nhận quy định tại Phụ lục I-C của văn bản này:
- Cấp cho sản phẩm được chứng nhận theo Phương thức 1 (quy định tại khoản 1, Điều 9 của văn bản này);
  - Có giá trị cho từng lô sản phẩm;
  - Chứng nhận sản phẩm phù hợp một phần tiêu chuẩn.
- d) Mẫu Giấy chứng nhận quy định tại Phụ lục I-D của văn bản này:
- Cấp cho sản phẩm được chứng nhận theo Phương thức 2 (quy định tại khoản 1, Điều 9 của văn bản này);
  - Có thời hạn ba (03) năm;
  - Chứng nhận sản phẩm phù hợp một phần tiêu chuẩn.

3. Giấy chứng nhận phải ghi rõ tiêu chuẩn chứng nhận. Trường hợp chứng nhận theo một phần tiêu chuẩn thì Giấy chứng nhận phải nêu rõ phần tiêu chuẩn mà sản phẩm được chứng nhận.

### **Điều 7. Dấu hợp chuẩn**

1. Mẫu dấu hợp chuẩn được quy định tại Phụ lục 2 của văn bản này.
2. Tổ chức chứng nhận giao quyền sử dụng dấu hợp chuẩn cho tổ chức, cá nhân trong trường hợp sản phẩm được chứng nhận hoàn toàn theo một hoặc nhiều tiêu chuẩn.
3. Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn và quyền sử dụng dấu hợp chuẩn được phép in, gắn hoặc dán dấu hợp chuẩn trực tiếp trên sản phẩm hoặc trên bao bì hoặc nhãn gắn trên sản phẩm ở vị trí dễ thấy, dễ đọc, đồng thời có thể in trong tài liệu kỹ thuật kèm theo trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận hợp chuẩn hoặc gắn cho sản phẩm thuộc lô sản phẩm đã được chứng nhận.

### **Điều 8. Chi phí trong hoạt động chứng nhận hợp chuẩn**

1. Các tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận hợp chuẩn trả chi phí chứng nhận cho Tổ chức chứng nhận theo thỏa thuận.
2. Các Tổ chức chứng nhận có trách nhiệm thu, quản lý và sử dụng chi phí chứng nhận hợp chuẩn theo quy định của pháp luật và phân cấp của Cục trưởng.

## Chương II

### QUY TRÌNH CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN

#### **Điều 9. Phương thức chứng nhận hợp chuẩn**

1. Phương thức 1: Thử nghiệm, đánh giá lô sản phẩm

a) Nguyên tắc áp dụng: Áp dụng chứng nhận hợp chuẩn cho sản phẩm nhập khẩu.

b) Trình tự thực hiện như sau:

Bước 1: Đánh giá lô sản phẩm

Tổ chức chứng nhận phân loại, đánh giá sự phù hợp của lô sản phẩm với hồ sơ nhập khẩu.

Bước 2: Lấy mẫu sản phẩm (theo hướng dẫn tại Phụ lục III của văn bản này)

Tổ chức chứng nhận lấy mẫu sản phẩm theo phương pháp xác suất thống kê, đảm bảo tính đại diện cho toàn bộ lô sản phẩm và niêm phong mẫu.

Bước 3: Đo kiểm mẫu sản phẩm (theo hướng dẫn tại Phụ lục III của văn bản này)

Bước 4: Tổ chức, cá nhân nộp kết quả đo kiểm mẫu sản phẩm cho Tổ chức chứng nhận.

Bước 5: Đánh giá kết quả đo kiểm mẫu sản phẩm

Tổ chức chứng nhận đánh giá kết quả đo kiểm các chỉ tiêu kỹ thuật của sản phẩm so với tiêu chuẩn áp dụng chứng nhận.

Bước 6: Kết luận

Tổ chức chứng nhận kết luận về sự phù hợp của sản phẩm trên cơ sở kết quả đánh giá sự phù hợp của lô sản phẩm so với hồ sơ nhập khẩu và kết quả đo kiểm mẫu sản phẩm so với tiêu chuẩn áp dụng chứng nhận.

c) Giám sát đảm bảo chất lượng sản phẩm: Kết luận về sự phù hợp chỉ có giá trị cho lô sản phẩm và không thực hiện các biện pháp giám sát tiếp theo.

2. Phương thức 2: Thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất.

a) Nguyên tắc áp dụng: Áp dụng chứng nhận hợp chuẩn cho sản phẩm sản xuất trong nước.

b) Trình tự thực hiện như sau:

Bước 1: Đánh giá sự phù hợp của quá trình sản xuất.

Đối với tổ chức, cá nhân chưa có chứng chỉ chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm: Tổ chức chứng nhận thực hiện việc đánh giá quá trình sản xuất sản phẩm đề nghị chứng nhận.

Đối với tổ chức, cá nhân có chứng chỉ chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng sản

phẩm: Tổ chức chứng nhận tiến hành xem xét hồ sơ và đánh giá kiểm chứng thực tế việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân và xác nhận tính phù hợp.

Tổ chức chứng nhận đánh giá sự phù hợp của quá trình sản xuất theo hướng dẫn tại Phụ lục 5 của văn bản này.

**Bước 2:** Lấy mẫu sản phẩm (theo hướng dẫn tại Phụ lục III của văn bản này)

Tổ chức chứng nhận thực hiện lấy và niêm phong mẫu sản phẩm trên thị trường hoặc tại cơ sở sản xuất, kho hàng của tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận.

**Bước 3:** Đo kiểm mẫu sản phẩm (theo hướng dẫn tại Phụ lục III của văn bản này)

**Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nộp kết quả đo kiểm mẫu sản phẩm cho Tổ chức chứng nhận.

**Bước 5:** Đánh giá kết quả đo kiểm mẫu sản phẩm

Tổ chức chứng nhận đánh giá kết quả đo kiểm các chỉ tiêu kỹ thuật của sản phẩm so với tiêu chuẩn áp dụng chứng nhận.

**Bước 6:** Kết luận

Tổ chức chứng nhận kết luận về sự phù hợp của sản phẩm trên cơ sở kết quả đánh giá sự phù hợp của kết quả đo kiểm so với tiêu chuẩn áp dụng chứng nhận và kết quả đánh giá sự phù hợp của hệ thống đảm bảo chất lượng sản phẩm.

c) Giám sát đảm bảo chất lượng sản phẩm: Thực hiện thông qua việc đánh giá lại quá trình sản xuất và kết quả đo kiểm mẫu sản phẩm so với tiêu chuẩn áp dụng chứng nhận, quy định tại Chương III của văn bản này.

## **Điều 10. Hồ sơ đề nghị chứng nhận hợp chuẩn**

1. Đối với sản phẩm chứng nhận theo Phương thức 1, hồ sơ đề nghị chứng nhận hợp chuẩn bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị chứng nhận hợp chuẩn (theo mẫu tại Phụ lục IV của văn bản này);

b) Bản sao giấy tờ thể hiện tư cách pháp nhân của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

c) Tài liệu kỹ thuật của sản phẩm thể hiện đầy đủ các nội dung: Tên, ký hiệu và các thông tin kỹ thuật của sản phẩm; ảnh chụp bên ngoài; hãng sản xuất;

d) Kết quả đo kiểm sản phẩm (sau khi hoàn thành việc đo kiểm);

đ) Bản sao giấy tờ chỉ định lô sản phẩm thể hiện đầy đủ các nội dung sau: tên, ký hiệu, số lượng và nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm (hợp đồng, tờ khai hải quan,...).

2. Đối với sản phẩm chứng nhận theo Phương thức 2, hồ sơ đề nghị chứng nhận hợp chuẩn bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị chứng nhận hợp chuẩn (theo mẫu tại Phụ lục IV của văn bản này);

b) Bản sao giấy tờ thể hiện tư cách pháp nhân của tổ chức, cá nhân theo quy định

của pháp luật;

c) Tài liệu kỹ thuật của sản phẩm thể hiện đầy đủ các nội dung: Tên, ký hiệu và các thông tin kỹ thuật của sản phẩm; ảnh chụp bên ngoài; hãng sản xuất;

d) Kết quả đo kiểm sản phẩm (sau khi hoàn thành việc đo kiểm);

đ) Bản sao chứng chỉ chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm (nếu có);

e) Bản sao Giấy chứng nhận sản phẩm đề nghị chứng nhận lại hoặc chứng nhận mở rộng (nếu có);

g) Tài liệu thiết kế, quy trình sản xuất và đảm bảo chất lượng sản phẩm.

### **Điều 11. Thời hạn giải quyết**

1. Tổ chức chứng nhận và tổ chức, cá nhân thương thảo, ký kết hợp đồng chứng nhận trong vòng hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ.

2. Thời hạn thực hiện việc đo kiểm là không quá 20 ngày làm việc kể từ khi lấy mẫu sản phẩm. Trong trường hợp đặc biệt, việc đo kiểm sản phẩm cần nhiều thời gian hơn quy định thì tổ chức, cá nhân phải có văn bản thông báo cho Tổ chức chứng nhận.

3. Thời gian Tổ chức chứng nhận đánh giá và cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn là không quá mười (10) ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

4. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn, Tổ chức chứng nhận có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận và nêu rõ lý do.

5. Trong những trường hợp đặc biệt, khi việc chứng nhận hợp chuẩn đòi hỏi thời gian dài hơn quy định tại khoản 3 Điều này, Tổ chức chứng nhận có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận biết lý do. Thời gian đánh giá và cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn tối đa là không quá ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

### **Điều 12. Thay đổi trong thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận**

1. Trong thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận, nếu có sự thay đổi làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm như quy mô, địa điểm sản xuất, quy trình sản xuất hoặc hệ thống đảm bảo chất lượng... thì tổ chức, cá nhân có văn bản thông báo cho Tổ chức chứng nhận.

2. Tổ chức chứng nhận xem xét, đánh giá những thay đổi trên, trong trường hợp cần thiết tiến hành đánh giá bổ sung quá trình sản xuất và lấy mẫu sản phẩm để đo kiểm, đánh giá duy trì hiệu lực của Giấy chứng nhận.

### **Điều 13. Chứng nhận lại hoặc chứng nhận mở rộng**

Trong trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận lại hoặc chứng nhận mở rộng thì Tổ chức chứng nhận xem xét giảm trừ thời lượng đánh giá quá trình sản xuất sản phẩm.

### **Điều 14. Thu hồi Giấy chứng nhận hợp chuẩn và quyền sử dụng dấu hợp chuẩn**

Trong các trường hợp sau đây Tổ chức chứng nhận ra quyết định huỷ bỏ hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận hợp chuẩn và quyền sử dụng dấu hợp chuẩn (theo mẫu tại Phụ lục VI của văn bản này):

1. Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn vi phạm các quy định của Pháp luật về chất lượng sản phẩm đối với sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn.

2. Kết quả giám sát định kỳ hoặc đột xuất việc đảm bảo chất lượng sản phẩm theo quy định tại Chương III cho thấy tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn không đảm bảo chất lượng sản phẩm như đã được chứng nhận: Kết quả đo kiểm mẫu sản phẩm không phù hợp với tiêu chuẩn hoặc một phần tiêu chuẩn đã được chứng nhận, quá trình sản xuất sản phẩm không được duy trì như tại hồ sơ chứng nhận.

3. Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn không phối hợp với Tổ chức chứng nhận để thực hiện đúng thời hạn giám sát đảm bảo chất lượng sản phẩm theo quy định tại Chương III.

4. Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn không phối hợp với Tổ chức chứng nhận để thực hiện giám sát đột xuất đảm bảo chất lượng sản phẩm theo quy định tại Chương III.

## Chương III

### GIÁM SÁT ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

#### **Điều 15. Giám sát đảm bảo chất lượng sản phẩm sau chứng nhận**

1. Hoạt động giám sát đảm bảo chất lượng sản phẩm sau chứng nhận là hoạt động của Tổ chức chứng nhận nhằm đánh giá việc đảm bảo chất lượng sản phẩm của tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn.

2. Kết quả giám sát là cơ sở để cho phép tiếp tục duy trì hoặc thu hồi Giấy chứng nhận hợp chuẩn và quyền sử dụng dấu hợp chuẩn.

#### **Điều 16. Kế hoạch giám sát**

1. Giám sát định kỳ: Thời hạn thực hiện giám sát đảm bảo chất lượng sản phẩm là không quá mười hai (12) tháng/một (01) lần.

2. Giám sát đột xuất: Tổ chức chứng nhận thực hiện giám sát đột xuất theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc khi có khiếu nại từ người tiêu dùng về chất lượng sản phẩm đã được chứng nhận hợp chuẩn.

#### **Điều 17. Thông báo kế hoạch giám sát**

1. Đối với giám sát định kỳ: Tổ chức chứng nhận gửi Thông báo giám sát đảm bảo chất lượng sản phẩm (theo mẫu tại Phụ lục VII của văn bản này) đến tổ chức, cá nhân có sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn trước thời điểm thực hiện giám sát ít nhất mười (10) ngày làm việc. Tổ chức, cá nhân được thông báo giám sát đảm bảo chất lượng sản phẩm phải phối hợp với Tổ chức chứng nhận để thực hiện các nội dung và

trình tự giám sát đảm bảo chất lượng sản phẩm theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 của văn bản này. Trong trường hợp tổ chức, cá nhân cần có thời gian chuẩn bị thì phải có văn bản gửi Tổ chức chứng nhận trước thời điểm giám sát ít nhất ba (03) ngày làm việc, nêu rõ lý do và đề xuất thời điểm giám sát mới. Trong mọi trường hợp việc giám sát đảm bảo chất lượng sản phẩm phải được thực hiện không quá ba mươi (30) ngày làm việc kể từ thời điểm nêu tại thông báo giám sát.

2. Đối với giám sát đột xuất: Tổ chức chứng nhận gửi Thông báo giám sát đột xuất chất lượng sản phẩm (theo mẫu tại Phụ lục VIII của văn bản này) đến tổ chức, cá nhân có sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn trước thời điểm thực hiện giám sát năm (05) ngày làm việc. Tổ chức, cá nhân được thông báo giám sát đột xuất phải phối hợp với Tổ chức chứng nhận để thực hiện các nội dung và trình tự giám sát đảm bảo chất lượng sản phẩm theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 của văn bản này.

### **Điều 18. Nội dung giám sát**

Giám sát chỉ áp dụng với sản phẩm được chứng nhận theo Phương thức 2. Tổ chức chứng nhận tiến hành đánh giá lại quá trình sản xuất, lấy mẫu sản phẩm (theo hướng dẫn tại Phụ lục III của văn bản này) tại cơ sở sản xuất, kho hàng, cửa hàng, đại lý hoặc trên thị trường của tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn và niêm phong mẫu sản phẩm. Việc đánh giá lại quá trình sản xuất sản phẩm dựa trên cơ sở các tài liệu lưu tại hồ sơ khi đánh giá cấp Giấy chứng nhận hoặc khi đánh giá tại kỳ giám sát trước đó. Mẫu sản phẩm được đo kiểm (theo hướng dẫn tại Phụ lục III của văn bản này). Kết luận giám sát đảm bảo chất lượng sản phẩm trên cơ sở kết quả đánh giá quá trình sản xuất sản phẩm và kết quả đo kiểm mẫu sản phẩm so với tiêu chuẩn áp dụng chứng nhận.

### **Điều 19. Trình tự thực hiện**

1. Tổ chức chứng nhận phối hợp với tổ chức, cá nhân có sản phẩm được giám sát thực hiện các nội dung theo quy định tại Điều 18 của văn bản này.

Trường hợp kết quả đánh giá lại quá trình sản xuất sản phẩm cho thấy tổ chức, cá nhân được giám sát đã không duy trì đúng như khi đánh giá cấp Giấy chứng nhận hoặc như kết quả giám sát tại kỳ giám sát trước đó thì Tổ chức chứng nhận thông báo những điểm không phù hợp cho tổ chức, cá nhân khi đánh giá. Tổ chức, cá nhân được giám sát gửi báo cáo khắc phục bằng văn bản (theo mẫu tại Phụ lục IX của văn bản này) cho Tổ chức chứng nhận về các nội dung. Tổ chức chứng nhận xem xét giải trình của tổ chức, cá nhân được giám sát trong báo cáo để đưa ra kết luận đánh giá hoặc tiến hành đánh giá bổ sung nếu thấy cần thiết (không quá một (01) lần). Trường hợp tổ chức, cá nhân được giám sát không có báo cáo cho Tổ chức chứng nhận thì kết quả đánh giá ban đầu của Đoàn giám sát là cơ sở cho việc báo cáo kết quả giám sát.

2. Trường hợp kết quả đo kiểm mẫu sản phẩm không phù hợp với tiêu chuẩn đã được chứng nhận:

a) Tổ chức chứng nhận thông báo cho tổ chức, cá nhân có sản phẩm được giám sát các chỉ tiêu kỹ thuật của sản phẩm không phù hợp với tiêu chuẩn đánh giá chứng nhận hợp chuẩn (theo mẫu tại Phụ lục X của văn bản này).

b) Tổ chức, cá nhân có sản phẩm được giám sát có trách nhiệm xác định nguyên nhân và có biện pháp khắc phục, báo cáo bằng văn bản cho Tổ chức chứng nhận và đề xuất thời điểm thực hiện lại việc lấy mẫu sản phẩm để đo kiểm lại. Quá trình này không quá 30 ngày kể từ ngày thông báo kết quả đo kiểm mẫu sản phẩm không phù hợp. Mẫu báo cáo theo quy định tại Phụ lục XI của văn bản này.

c) Tổ chức chứng nhận thực hiện lại việc lấy mẫu sản phẩm để đo kiểm theo quy định tại Điều 18 của văn bản này.

### **Điều 20. Kết luận giám sát**

1. Trên cơ sở báo cáo của Đoàn giám sát, Tổ chức chứng nhận đưa ra kết luận giám sát. Kết luận giám sát đảm bảo chất lượng sản phẩm là cơ sở quyết định việc tiếp tục duy trì hiệu lực Giấy chứng nhận hợp chuẩn hoặc huỷ bỏ hiệu lực, thu hồi Giấy chứng nhận hợp chuẩn và quyền sử dụng dấu hợp chuẩn.

2. Trường hợp kết quả giám sát cho thấy tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn đã thực hiện tốt công tác đảm bảo chất lượng sản phẩm như đã được chứng nhận thì Tổ chức chứng nhận cấp kết quả giám sát đảm bảo chất lượng sản phẩm theo mẫu tại Phụ lục XII của văn bản này.

3. Kết quả giám sát việc đảm bảo chất lượng sản phẩm là phần không tách rời của Giấy chứng nhận hợp chuẩn.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 21. Điều khoản thi hành**

Các Tổ chức chứng nhận, và các tổ chức, cá nhân đề nghị được chứng nhận hợp chuẩn chịu trách nhiệm thi hành quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có điều gì vướng mắc cần phản ánh kịp thời để Cục Viễn thông bổ sung, sửa đổi.

**CỤC TRƯỞNG**

**(Đã ký)**

**Phạm Hồng Hải**

**Phụ lục I-A**  
**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN SẢN PHẨM NHẬP KHẨU**  
*(Kèm theo Quyết định số 350/QĐ-CVT ngày 12 tháng 09 năm 2013*  
*của Cục trưởng Cục Viễn thông)*

CỤC VIỄN THÔNG  
(TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN)

VIET NAM TELECOMMUNICATIONS AUTHORITY  
(CERTIFICATION BODY'S NAME)



**GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF STANDARD CONFORMITY**

**Số/No: INNNNDDMMYYPPPTL**

Sản phẩm : (TÊN SẢN PHẨM)  
*Product : (Product name)*

Ký hiệu : (KÝ HIỆU SẢN PHẨM)  
*Model : (Product name)*

Hãng, nơi sản xuất : (TÊN HÃNG SẢN XUẤT, NƠI SẢN XUẤT)  
*Manufacture, place of : (Manufacture name, place of manufacturing)*  
*manufacturing*

Đơn vị được cấp : (TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP)  
*Certificate Holder : (Granted organization, individual name)*

Địa chỉ : (ĐỊA CHỈ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP)  
*Address : (Granted organization, individual name address)*

Phù hợp tiêu chuẩn : (TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG CHỨNG NHẬN)  
*Complies with : (Standard Conformity)*

và được phép sử dụng dấu hợp chuẩn của (tên tổ chức chứng nhận)  
*and can bear (certification body's name) certification mark*

Phương thức chứng nhận : (TÊN PHƯƠNG THỨC CHỨNG NHẬN)  
*Certification system : (Certification system name)*

Giấy chứng nhận hợp chuẩn này có giá trị cho sản phẩm thuộc lô hàng .....  
*This Certificate is valid for product .....*



Dấu hợp chuẩn  
*Certification mark*

..., ngày...tháng...năm 20...

..., date ...  
(CHỨC DANH)  
*(Job Title)*

(Tên người ký)  
(Signer name)

**PHỤ LỤC\***

*(Kèm theo Giấy chứng nhận hợp chuẩn số....., cấp ngày...tháng...năm...  
của (tên tổ chức chứng nhận))*

1. ....
2. ....
3. ....
4. ....

*(\*: Sử dụng trong trường hợp thông tin ghi trên mặt trước giấy chứng nhận không đủ)*

**Phụ lục I-B**  
**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN SẢN PHẨM SẢN XUẤT TRONG NƯỚC**  
*(Kèm theo Quyết định số 350/QĐ-CVT ngày 12 tháng 09 năm 2013*  
*của Cục trưởng Cục Viễn thông)*

CỤC VIỄN THÔNG  
(TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN)

VIET NAM TELECOMMUNICATIONS AUTHORITY  
(CERTIFICATION BODY'S NAME)



**GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF STANDARD CONFORMITY**

**Số/No: INNNDDMMYYPPPTL**

Sản phẩm : (TÊN SẢN PHẨM)  
*Product (Product name)*

Ký hiệu : (KÝ HIỆU SẢN PHẨM)  
*Model*

Được sản xuất tại : (TÊN HÃNG SẢN XUẤT)  
*Produced in (Manufacture name)*

Địa chỉ : (ĐỊA CHỈ NƠI SẢN XUẤT)  
*Address (Manufacturer address)*

Đơn vị được cấp : (TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP)  
*Certificate holder (Granted organization, individual name)*

Phù hợp tiêu chuẩn : (TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG CHỨNG NHẬN)  
*Complies with (Standard Conformity)*

và được phép sử dụng dấu hợp chuẩn của (tên Tổ chức chứng nhận)  
*and can bear (Certification body's name) certification mark*

Phương thức chứng nhận : (TÊN PHƯƠNG THỨC CHỨNG NHẬN)  
*Certification system (Certification system name)*

Giấy chứng nhận hợp chuẩn này có giá trị từ ngày dd/mm/yyyy đến ngày dd/mm/yyyy và được giám sát không quá 12 tháng/lần.

*This Certificate is valid from mmm dd, yyyy to mmm dd, yyyy. Monitoring Assessment will be conducted not exceeding every 12 months*



KÝ HIỆU TIÊU CHUẨN

Dấu hợp chuẩn  
*Certification mark*

..., ngày...tháng...năm 20...

..., date ...

(CHỨC DANH)

*(Job Title)*

(Tên người ký)

*(Signer name)*

**PHỤ LỤC\***

*(Kèm theo Giấy chứng nhận hợp chuẩn số....., cấp ngày...tháng...năm  
của (tên tổ chức chứng nhận))*

1. ....
2. ....
3. ....
4. ....

*(\*: Sử dụng trong trường hợp thông tin ghi trên mặt trước giấy chứng nhận không đủ)*

**Phụ lục I-C**  
**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN SẢN PHẨM NHẬP KHẨU**  
*(Kèm theo Quyết định số 350/QĐ-CVT ngày 12 tháng 09 năm 2013*  
*của Cục trưởng Cục Viễn thông)*

CỤC VIỄN THÔNG  
(TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN)

VIET NAM TELECOMMUNICATIONS AUTHORITY  
(CERTIFICATION BODY'S NAME)



**GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF STANDARD CONFORMITY**

**Số/No: INNNNDDMMYYPPPTL**

Sản phẩm  
*Product* : (TÊN SẢN PHẨM)  
*(Product name)*

Ký hiệu  
*Model* : (KÝ HIỆU SẢN PHẨM)

Hãng, nơi sản xuất  
*Manufacturer,*  
*place of manufacturing* : (TÊN HÃNG SẢN XUẤT, NƠI SẢN XUẤT)  
*(Manufacture name, place of manufacturing)*

Đơn vị được cấp  
*Certificate holder* : (TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP)  
*(Granted organization, individual name)*

Địa chỉ  
*Address* : (ĐỊA CHỈ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP)  
*(Granted organization, individual name address)*

Phù hợp tiêu chuẩn  
*Complies with* : (TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG CHỨNG NHẬN)  
*(Standard Conformity)*

Phương thức chứng nhận  
*Certification system* : (TÊN PHƯƠNG THỨC CHỨNG NHẬN)  
*(Certification system name)*

Giấy chứng nhận hợp chuẩn này có giá trị cho sản phẩm thuộc lô hàng ....  
*This Certificate is valid for product .....*

..., ngày...tháng...năm 20...  
..., date ...  
(CHỨC DANH)  
(Job Title)

(Tên người ký)  
(Signer name)

**PHỤ LỤC\***

*(Kèm theo Giấy chứng nhận hợp chuẩn số....., cấp ngày...tháng...năm...  
của (tên tổ chức chứng nhận))*

1. ....
2. ....
3. ....
4. ....

*(\*: Sử dụng trong trường hợp thông tin ghi trên mặt trước giấy chứng nhận không đủ)*

**Phụ lục I-D**  
**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN SẢN PHẨM SẢN XUẤT TRONG NƯỚC**  
*(Kèm theo Quyết định số 350/QĐ-CVT ngày 12 tháng 09 năm 2013*  
*của Cục trưởng Cục Viễn thông)*

CỤC VIỄN THÔNG  
(TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN)

VIET NAM TELECOMMUNICATIONS AUTHORITY  
(CERTIFICATION BODY'S NAME)



**GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN**  
**CERTIFICATE OF STANDARD CONFORMITY**

**Số/No: INNNNDDMMYYPPPTL**

Sản phẩm : (TÊN SẢN PHẨM)  
*Product : (Product name)*

Ký hiệu : (KÝ HIỆU SẢN PHẨM)  
*Model : (Product name)*

Được sản xuất tại : (TÊN HÃNG SẢN XUẤT)  
*Produced in : (Manufacturer name)*

Địa chỉ : (ĐỊA CHỈ NƠI SẢN XUẤT)  
*Address : (Manufacturer address)*

Đơn vị được cấp : (TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP)  
*Certificate holder : (Granted organization, individual name)*

Phù hợp tiêu chuẩn : (TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG CHỨNG NHẬN)  
*Complies with : (Standard Conformity)*

Phương thức chứng nhận : (TÊN PHƯƠNG THỨC CHỨNG NHẬN)  
*Certification system : (System certification name)*

Giấy chứng nhận hợp chuẩn này có giá trị từ ngày dd/mm/yyyy đến ngày dd/mm/yyyy và được giám sát không quá 12 tháng/lần.

*This Certificate is valid from mmm dd, yyyy to mmm dd, yyyy. Monitoring Assessment will be conducted not exceeding every 12 months*

..., ngày...tháng...năm 20...

..., date ...

(CHỨC DANH)

(Job Title)

(Tên người ký)

(Signer name)

**PHỤ LỤC\***

*(Kèm theo Giấy chứng nhận hợp chuẩn số....., cấp ngày...tháng...năm  
của (Tên tổ chức chứng nhận))*

1. ....
2. ....
3. ....
4. ....

*(\*: Sử dụng trong trường hợp thông tin ghi trên mặt trước giấy chứng nhận không đủ)*

**Phụ lục II**  
**DẤU HỢP CHUẨN**

*(Kèm theo Quyết định số 350/QĐ-CVT ngày 12 tháng 09 năm 2013  
của Cục trưởng Cục Viễn thông)*

---

**I. Hình dạng:**

Dấu hợp chuẩn có dạng như Hình 1.



**Hình 1- Hình dạng của dấu hợp chuẩn**

**II. Nội dung:**

Dấu hợp chuẩn gồm:

- Chữ “Q”, trong từ “Quality” – Chất lượng, được cách điệu;
- ABCD: Tên viết tắt tiếng Anh của các Tổ chức chứng nhận thuộc Cục Viễn thông:
  - + VCC1: Verification and Certification Center 1 – Trung tâm Kiểm định và Chứng nhận 1;
  - + VCC2: Verification and Certification Center 2 – Trung tâm Kiểm định và Chứng nhận 2;
  - + VCC3: Verification and Certification Center 3 – Trung tâm Kiểm định và Chứng nhận 3;
- KÝ HIỆU TIÊU CHUẨN: Ký hiệu của tiêu chuẩn được chứng nhận toàn bộ ghi trong Giấy chứng nhận.

**III. Màu sắc:**

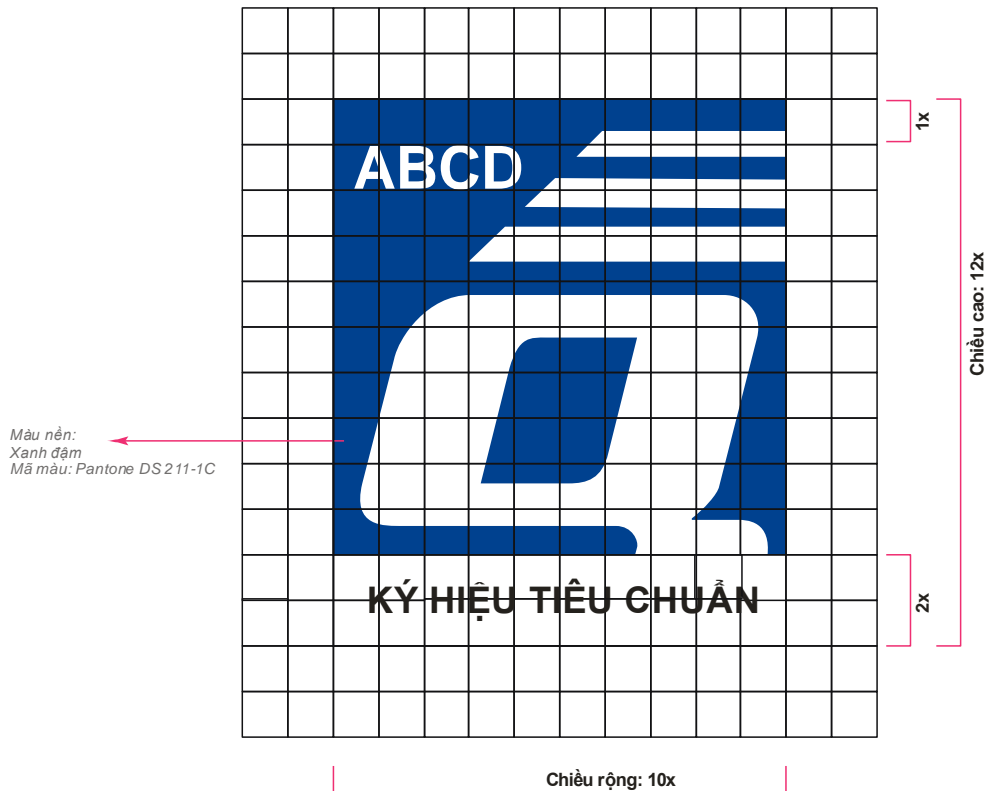
Màu sắc của dấu hợp chuẩn được quy định như sau:

- Màu nền: màu xanh đậm (mã màu PANTONE DS 211-1 C). Trong trường hợp sản phẩm có màu trùng với màu nền, tổ chức, cá nhân sử dụng dấu có thể thay đổi màu nền bằng màu khác, song, phải đồng nhất một màu, đảm bảo rõ ràng, dễ thấy, không in thêm ký tự, hình ảnh, hoa văn khác;
- Chữ “Q” cách điệu và các ký tự của “ABCD”: màu trắng;
- Các ký tự của “KÝ HIỆU TIÊU CHUẨN”: màu đen trên nền trắng.

#### IV. Kích thước:

Kích thước cơ bản của dấu hợp chuẩn được quy định như Hình 2, trong đó:

- “ABCD”: font Arial Bold viết hoa, chiều cao 1x;
- “KÝ HIỆU TIÊU CHUẨN”: font Arial Bold viết hoa, các ký tự nằm trong phạm vi độ rộng của dấu (10x), đủ để nhận biết bằng mắt thường;
- Dấu hợp chuẩn có thể được phóng to thu nhỏ nhưng phải đảm bảo đúng tỷ lệ và phải nhận biết được bằng mắt thường.



**Hình 2- Kích thước cơ bản của dấu hợp chuẩn.**

#### V. Cách thể hiện dấu hợp chuẩn

Tổ chức, cá nhân sau khi được cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn tự thể hiện dấu hợp chuẩn bằng cách in, gắn hoặc dán dấu hợp chuẩn trực tiếp trên sản phẩm hoặc trên bao bì hoặc nhãn gắn trên sản phẩm ở vị trí dễ thấy, dễ đọc, đồng thời có thể được in trong tài liệu kỹ thuật kèm theo.

**Phụ lục III**  
**LẤY MẪU VÀ ĐO KIỂM SẢN PHẨM**

*(Kèm theo Quyết định số 350/QĐ-CVT ngày 12 tháng 09 năm 2013  
của Cục trưởng Cục Viễn thông)*

---

**I. Lấy mẫu sản phẩm:**

**1. Nguyên tắc lấy mẫu:**

Tổ chức chứng nhận thực hiện lấy mẫu sản phẩm theo nguyên tắc ngẫu nhiên. Số lượng mẫu phải đủ theo yêu cầu của phép đo quy định tại tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng.

**2. Niêm phong mẫu sản phẩm:**

Mẫu sản phẩm phải được Tổ chức chứng nhận niêm phong vào đảm bảo việc đo kiểm phải được thực hiện đối với đúng mẫu sản phẩm đã được niêm phong.

Dấu niêm phong phải được gắn chắc chắn lên sản phẩm lấy mẫu và có đủ các nội dung sau:

- Tên Tổ chức chứng nhận;
- Ngày lấy mẫu;
- Tên và chữ ký của người lấy mẫu;
- Đối với các sản phẩm là thiết bị, có gắn nhãn ghi thông tin riêng của từng sản phẩm cụ thể (số Seri) thì thông tin đó phải được thể hiện trên dấu niêm phong. Đối với các sản phẩm khác (như dây thuê bao, cáp thông tin,...) thì phải ghi rõ ký hiệu sản phẩm và số lượng lấy mẫu.

**II. Đo kiểm mẫu sản phẩm:**

Tổ chức, cá nhân liên hệ với đơn vị đo kiểm (quy định tại khoản 1 Điều 5 của văn bản này) để tiến hành đo kiểm mẫu sản phẩm đã được niêm phong.

Ngoài các yêu cầu đối với kết quả đo kiểm như: Tên đơn vị đo kiểm, tên khách hàng đề nghị đo kiểm, ngày nhận mẫu, ngày đo và kết quả chi tiết của từng phép đo... thì kết quả đo kiểm mẫu sản phẩm phải có các thông tin ghi trên dấu niêm phong và xác nhận sự nguyên vẹn của dấu niêm phong trước khi thực hiện đo kiểm.

**Phụ lục IV**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN**  
(Kèm theo Quyết định số 350/QĐ-CVT ngày 12 tháng 09 năm 2013  
của Cục trưởng Cục Viễn thông)

---

(Tên tổ chức, cá nhân)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN**

**Kính gửi:** (Tên Tổ chức chứng nhận)

1. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận hợp chuẩn:

- Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận hợp chuẩn:

(Ghi rõ cơ quan chủ quản; tỉnh, thành phố nơi đăng ký kinh doanh hoặc đặt trụ sở chính)

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

Fax:

- Mã số thuế:

- Địa chỉ cơ sở sản xuất (nếu có):

- Số lượng cán bộ, công nhân viên (đối với sản phẩm sản xuất trong nước): (Tổng số cán bộ, công nhân viên tham gia vào quá trình sản xuất sản phẩm đề nghị chứng nhận).

2. Sản phẩm đề nghị chứng nhận hợp chuẩn:

a) Tên sản phẩm:

b) Ký hiệu:

c) Hãng, nơi sản xuất:

3. Loại chứng nhận:

Chứng nhận lần đầu

Chứng nhận mở rộng

Chứng nhận lại

4. Thông tin về Giấy chứng nhận hợp chuẩn cho sản phẩm có cùng điều kiện đảm bảo chất lượng đã được cấp (nếu có):

a) Số Giấy chứng nhận hợp chuẩn:

b) Ngày cấp:

5. Tiêu chuẩn áp dụng: (tên, số hiệu)

6. Tài liệu gửi kèm: (liệt kê các tài liệu gửi kèm)

Chúng tôi / Tôi cam kết thực hiện đúng các quy định của Cục Viễn thông về chứng nhận hợp chuẩn và các quy định về quản lý chất lượng sản phẩm.

**Đại diện Tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Phụ lục V**  
**HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT**  
*(Kèm theo Quyết định số 350/QĐ-CVT ngày 12 tháng 09 năm 2013*  
*của Cục trưởng Cục Viễn thông)*

---

### **1. Yêu cầu chung**

Tổ chức, cá nhân phải xây dựng, lập thành văn bản, thực hiện, duy trì và thường xuyên nâng cao hiệu lực các điều kiện đảm bảo chất lượng theo yêu cầu quy định của văn bản này nhằm:

- a) Nhận biết các quá trình cần thiết để tạo ra sản phẩm;
- b) Xác định trình tự và mối tác động lẫn nhau của các quá trình này;
- c) Xác định yêu cầu và phương pháp cần thiết để đảm bảo việc thực hiện các yêu cầu và kiểm soát các quá trình này có hiệu lực;
- d) Đo lường và theo dõi các quá trình này;
- đ) Thực hiện các hành động cần thiết để đạt yêu cầu đã hoạch định và cải tiến các quá trình này.

### **2. Yêu cầu về hệ thống tài liệu**

Các tài liệu về điều kiện đảm bảo chất lượng bao gồm:

- a) Các tài liệu, thủ tục dạng văn bản theo yêu cầu của quy định này;
- b) Các tài liệu cần thiết khác cần có để kiểm soát có hiệu lực các quá trình sản xuất.

#### **2.1. Kiểm soát tài liệu**

Tổ chức, cá nhân phải có văn bản quy định việc kiểm soát các tài liệu nhằm đảm bảo:

- a) Phê duyệt tài liệu về tính thích hợp khi ban hành;
- b) Xem xét, cập nhật khi cần và phê duyệt lại tài liệu;
- c) Nhận biết được các thay đổi và tình trạng sửa đổi hiện hành của tài liệu;
- d) Các tài liệu áp dụng sẵn có ở nơi sử dụng;
- đ) Tài liệu luôn rõ ràng, dễ nhận biết;
- e) Các tài liệu có nguồn gốc bên ngoài được nhận biết và việc phân phối chúng được kiểm soát;
- g) Ngăn ngừa việc sử dụng vô tình các tài liệu hết hiệu lực và có các dấu hiệu nhận biết thích hợp nếu chúng được giữ lại vì mục đích nào đó.

#### **2.2. Kiểm soát hồ sơ**

Danh mục phải lập và duy trì các hồ sơ để cung cấp bằng chứng về sự phù hợp với các điều kiện đảm bảo chất lượng. Các hồ sơ chất lượng rõ ràng, dễ nhận biết và dễ sử dụng. Tổ chức, cá nhân phải có văn bản quy định việc kiểm soát hồ sơ.

### **3. Trách nhiệm và quyền hạn**

#### **3.1. Trách nhiệm và quyền hạn**

Lãnh đạo cao nhất phải xác định các trách nhiệm, quyền hạn chính và các mối quan hệ của chúng và thông báo trong tổ chức.

#### **3.2. Đại diện của lãnh đạo về chất lượng**

Lãnh đạo cao nhất phải chỉ định một thành viên trong ban lãnh đạo, ngoài các trách nhiệm khác, có trách nhiệm và quyền hạn sau:

- a) Đảm bảo các điều kiện đảm bảo chất lượng được thiết lập, thực hiện và duy trì;
- b) Đảm bảo sản phẩm phù hợp với các yêu cầu trong tiêu chuẩn kỹ thuật;
- c) Báo cáo cho lãnh đạo cao nhất về kết quả thực hiện các điều kiện đảm bảo chất lượng này và về mọi nhu cầu cải tiến để đảm bảo sự phù hợp của sản phẩm với các yêu cầu trong tiêu chuẩn kỹ thuật.

### **4. Quản lý nguồn lực**

#### **4.1. Nguồn nhân lực**

Những người tham gia quá trình sản xuất, thực hiện các công việc có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm phải có năng lực phù hợp, được đào tạo, có kỹ năng và kinh nghiệm thích hợp. Tổ chức, cá nhân phải:

- a) Xác định năng lực cần thiết của những người thực hiện các công việc ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm;
- b) Tiến hành đào tạo ban đầu, đào tạo trong quá trình sản xuất hay những hành động thích hợp trực tiếp đến chất lượng sản phẩm;
- c) Duy trì hồ sơ giáo dục, đào tạo, kỹ năng và kinh nghiệm chuyên môn.

#### **4.2. Cơ sở hạ tầng**

Tổ chức, cá nhân phải xác định, cung cấp và duy trì cơ sở hạ tầng cần thiết để đạt được sự phù hợp đối với yêu cầu của sản phẩm. Cơ sở hạ tầng bao gồm:

- a) Nhà xưởng, không gian làm việc và các phương tiện kèm theo;
- b) Trang thiết bị (cả phần cứng và phần mềm);
- c) Dịch vụ hỗ trợ (như vận chuyển hoặc trao đổi thông tin).

#### **4.3. Môi trường làm việc**

Tổ chức, cá nhân phải xác định và quản lý môi trường làm việc cần thiết để đạt được sự phù hợp đối với các yêu cầu của sản phẩm.

### **5. Tạo sản phẩm**

#### **5.1. Lập kế hoạch tạo sản phẩm**

Tổ chức, cá nhân phải lập kế hoạch kiểm soát sản xuất sản phẩm (tham khảo biểu mẫu

1 kèm theo Phụ lục này).

## **5.2. Mua hàng**

### **5.2.1. Quá trình mua hàng**

Tổ chức, cá nhân phải đảm bảo vật tư, linh kiện mua vào phù hợp với các yêu cầu đã quy định. Cách thức và mức độ kiểm soát áp dụng cho người cung ứng và sản phẩm mua vào phụ thuộc vào mức độ tác động của sản phẩm mua vào đối với quá trình tạo ra thành phẩm

Tổ chức, cá nhân phải đánh giá và lựa chọn người cung ứng dựa trên khả năng cung cấp sản phẩm phù hợp các yêu cầu của tổ chức, cá nhân và duy trì hồ sơ các nhà cung ứng này.

### **5.2.2. Kiểm tra xác nhận sản phẩm mua vào**

Tổ chức, cá nhân phải lập và thực hiện các hoạt động kiểm tra hoặc các hoạt động khác cần thiết để đảm bảo rằng sản phẩm mua vào đáp ứng các yêu cầu mua hàng đã quy định.

## **5.3. Sản xuất**

### **5.3.1. Kiểm soát sản xuất**

Tổ chức, cá nhân phải lập kế hoạch, tiến hành sản xuất trong điều kiện được kiểm soát (tham khảo biểu mẫu 1 kèm theo Phụ lục này), các điều kiện được kiểm soát phải bao gồm:

- a) Tiêu chuẩn bán thành phẩm và sản phẩm;
- b) Các hướng dẫn công việc cần thiết;
- c) Kế hoạch bảo trì và bảo dưỡng các thiết bị cần thiết;
- d) Các phương tiện đo lường và theo dõi cần thiết;
- đ) Thực hiện các hoạt động thông qua, giao hàng và sau giao hàng.

Kế hoạch kiểm soát sản xuất sản phẩm được quy định tại Bảng 1 kèm theo Phụ lục này.

### **5.3.2. Nhận biết và xác nhận nguồn gốc sản phẩm**

- a) Khi cần thiết, Tổ chức, cá nhân phải nhận biết sản phẩm bằng các biện pháp thích hợp trong suốt quá trình tạo sản phẩm;
- b) Tổ chức, cá nhân phải nhận biết được trạng thái của sản phẩm tương ứng với yêu cầu theo dõi và đo lường;
- c) Tổ chức, cá nhân phải kiểm soát và lưu hồ sơ việc nhận biết riêng của sản phẩm được chứng nhận theo kết quả kiểm tra và thử nghiệm cũng như nguyên vật liệu được sử dụng khi việc xác định nguồn gốc là cần thiết.

### **5.3.3. Bảo toàn sản phẩm**

Tổ chức, cá nhân phải bảo toàn sản phẩm theo các yêu cầu trong tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng trong suốt quá trình lưu kho và giao hàng đến nơi đã định, bao gồm cách thức nhận biết, xếp dỡ, vận chuyển, bao gói, lưu giữ và bảo quản.

#### **5.4. Kiểm soát phương tiện theo dõi và đo lường**

5.4.1. Tổ chức, cá nhân phải xác định những nội dung theo dõi và đo lường chính cần thực hiện và các phương tiện theo dõi, đo lường cần thiết để cung cấp bằng chứng về sự phù hợp của sản phẩm với các yêu cầu đã xác định trong tiêu chuẩn kỹ thuật (tham khảo biểu mẫu 2 kèm theo Phụ lục này).

5.4.2. Tổ chức, cá nhân phải thiết lập các quá trình để đảm bảo rằng việc theo dõi và đo lường có thể tiến hành và được tiến hành một cách thống nhất với các yêu cầu theo dõi và đo lường. Khi cần thiết để đảm bảo kết quả đúng, thiết bị đo lường phải:

- a) Được hiệu chuẩn hoặc kiểm tra xác nhận định kỳ, hoặc trước khi sử dụng, dựa trên các chuẩn đo lường có liên kết với chuẩn đo lường quốc gia hay quốc tế. Khi không có các chuẩn này thì căn cứ được sử dụng để hiệu chuẩn hoặc kiểm tra xác nhận phải được lưu hồ sơ;
- b) Được hiệu chỉnh hoặc điều chỉnh lại, khi cần thiết;
- c) Được nhận biết để giúp xác định trạng thái hiệu chuẩn;
- d) Được giữ gìn tránh bị hiệu chỉnh làm mất tính đúng đắn của các kết quả đo;
- đ) Được bảo vệ tránh hư hỏng hoặc suy giảm chất lượng trong khi di chuyển, bảo dưỡng và lưu giữ.

5.4.3. Ngoài ra, Tổ chức, cá nhân phải đánh giá và ghi nhận giá trị hiệu lực của các kết quả đo trước đó, khi phát hiện thiết bị không phù hợp với yêu cầu. Tổ chức, cá nhân phải tiến hành các hành động thích hợp đối với thiết bị đó và bất kỳ sản phẩm nào bị ảnh hưởng. Phải duy trì hồ sơ của kết quả hiệu chuẩn và kiểm tra xác nhận.

### **6. Đo lường, kiểm tra**

#### **6.1. Theo dõi và kiểm tra đo lường sản phẩm**

Tổ chức, cá nhân phải áp dụng các phương pháp thích hợp để theo dõi và đo lường các yêu cầu của sản phẩm để kiểm tra xác nhận rằng các yêu cầu đó đều được đáp ứng tại những giai đoạn thích hợp của quá trình tạo sản phẩm theo kế hoạch kiểm soát chất lượng (tham khảo biểu mẫu 2 kèm theo Phụ lục này).

Sản phẩm hay bán thành phẩm chỉ được thông qua khi đã được kiểm tra đạt yêu cầu quy định, nếu không phải được sự phê duyệt của người có thẩm quyền và, nếu có thể, của khách hàng.

Bằng chứng của việc kiểm tra đạt yêu cầu quy định phải được lưu giữ.

#### **6.2. Kiểm soát sản phẩm không phù hợp**

Tổ chức, cá nhân phải đảm bảo rằng sản phẩm không phù hợp với các yêu cầu đều

được nhận biết và kiểm soát để phòng ngừa việc sử dụng hoặc chuyển giao vô tình. Phải xác định bằng văn bản cách kiểm soát, các trách nhiệm và quyền hạn có liên quan đối với sản phẩm không phù hợp.

Tổ chức, cá nhân phải xử lý sản phẩm không phù hợp theo một hoặc một số cách sau:

- a) Tiến hành loại bỏ sự không phù hợp được phát hiện;
- b) Cho phép sử dụng, thông qua hoặc chấp nhận có nhân nhượng bởi có người thẩm quyền và, khi có thể, bởi khách hàng;
- c) Tiến hành ngăn chặn việc sử dụng hoặc áp dụng theo dự kiến ban đầu.

Phải có hồ sơ về nguyên nhân của các sự không phù hợp và các hành động tiếp theo được tiến hành, kể cả việc nhân nhượng.

Khi sản phẩm không phù hợp được khắc phục, chúng phải được kiểm tra xác nhận lại để chứng tỏ sự phù hợp với các yêu cầu.

Khi sản phẩm không phù hợp được phát hiện sau khi giao hàng hoặc đã đưa vào sử dụng, Tổ chức, cá nhân phải có các hành động thích hợp đối với các tác động hoặc hậu quả tiềm ẩn của sự không phù hợp.

### **6.3. Khắc phục sự không phù hợp**

Tổ chức, cá nhân phải thực hiện hành động khắc phục nhằm loại bỏ nguyên nhân của sự không phù hợp để ngăn ngừa sự tái diễn. Hành động khắc phục phải tương xứng với tác động của sự không phù hợp đã xảy ra. Tổ chức, cá nhân phải xác định bằng văn bản hành động khắc phục gồm các nội dung sau:

- a) Xem xét sự không phù hợp (kể cả các khiếu nại của khách hàng);
- b) Xác định nguyên nhân của sự không phù hợp;
- c) Đánh giá sự cần thiết để có các hành động nhằm đảm bảo không tái diễn sự không phù hợp;
- d) Xác định và thực hiện các hành động cần thiết;
- đ) Xem xét các hành động khắc phục đã thực hiện;
- e) Lưu hồ sơ các kết quả hành động đã thực hiện.

**Biểu mẫu 1**  
**KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG**  
**(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN)**

**KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG**  
Sản phẩm: .....

Quá trình sản xuất	Kế hoạch kiểm soát chất lượng						
	Chỉ tiêu giám sát/kiểm soát	Mức/yêu cầu	Tần suất lấy mẫu/cỡ mẫu	Thiết bị thử/kiểm tra	Phương pháp thử/kiểm tra	Biểu ghi chép	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

....., ngày...tháng...năm...

**Đại diện Tổ chức, cá nhân**

(ký tên, đóng dấu)

**Biểu mẫu 2**

**KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CÁC THIẾT BỊ ĐO LƯỜNG, THỬ NGHIỆM**

**(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN)**

**KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CÁC THIẾT BỊ ĐO LƯỜNG, THỬ NGHIỆM**

<b>STT</b>	<b>Tên và ký hiệu thiết bị đo lường, thử nghiệm</b>	<b>Phạm vi đo</b>	<b>Cấp chính xác</b>	<b>Cấp chính xác yêu cầu</b>	<b>Công dụng chính</b>	<b>Chu kỳ kiểm định/hiệu chuẩn</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>(1)</b>	<b>(2)</b>	<b>(3)</b>	<b>(4)</b>	<b>(5)</b>	<b>(6)</b>	<b>(7)</b>	<b>(8)</b>

....., ngày...tháng...năm...

**Đại diện Tổ chức, cá nhân**

(ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục VI**  
**MẪU QUYẾT ĐỊNH THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN**  
**VÀ QUYỀN SỬ DỤNG DẤU HỢP CHUẨN**  
*(Kèm theo Quyết định số 350/QĐ-CVT ngày 12 tháng 09 năm 2013*  
*của Cục trưởng Cục Viễn thông)*

---

CỤC VIỄN THÔNG  
**(TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN)**

---

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

Số: /QĐ-(Ký hiệu tổ chức chứng nhận)

....., ngày tháng năm 20

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Thu hồi Giấy chứng nhận hợp chuẩn và quyền sử dụng dấu hợp chuẩn**

**GIÁM ĐỐC (TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN)**

Căn cứ Quyết định số ... ngày của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (tên tổ chức chứng nhận);

Căn cứ Quyết định số /QĐ-CVT ngày / /2013 của Cục trưởng Cục Viễn thông ban hành “Quy trình, thủ tục chứng nhận hợp chuẩn áp dụng tại các tổ chức chứng nhận thuộc Cục Viễn thông”;

Theo đề nghị của .....

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Hủy bỏ hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận hợp chuẩn số (số Giấy chứng nhận) cấp ngày ... cho (tên tổ chức, cá nhân).

**Điều 2.** (Tên tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm:

1. Nộp lại bản gốc Giấy chứng nhận nêu trên về (tên tổ chức chứng nhận) trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày ký quyết định này.
2. Không sử dụng bản sao Giấy chứng nhận nêu trên dưới mọi hình thức.
3. Không được phép sử dụng dấu hợp chuẩn của (tên tổ chức chứng nhận) cho sản phẩm (nếu có):
  - Sản phẩm:
  - Ký hiệu:
  - Hãng, nơi sản xuất:

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 20...

**Điều 4.** ..... và (tên tổ chức, cá nhân) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Lưu VT, hồ sơ;

**GIÁM ĐỐC**

**Phụ lục VII**  
**MẪU THÔNG BÁO GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM**  
(Kèm theo Quyết định số 350/QĐ-CVT ngày 12 tháng 09 năm 2013  
của Cục trưởng Cục Viễn thông)

---

**CỤC VIỄN THÔNG**  
**(TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

Số: /GSĐK-(Ký hiệu tổ chức chứng nhận)

..., ngày...tháng...năm...

**THÔNG BÁO**  
**Về việc: Giám sát lần...việc đảm bảo chất lượng sản phẩm đã được chứng nhận hợp chuẩn**

---

**Kính gửi: (Tên tổ chức, cá nhân)**

1. Thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều 16 “Quy trình, thủ tục chứng nhận hợp chuẩn áp dụng tại các tổ chức chứng nhận thuộc Cục Viễn thông” ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CVT ngày / /2013 của Cục trưởng Cục Viễn thông, (tên Tổ chức chứng nhận) sẽ thực hiện giám sát định kỳ đảm bảo chất lượng sản phẩm đã được chứng nhận hợp chuẩn tại Quý đơn vị đối với (các) sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn sau:

STT	Tên sản phẩm	Ký hiệu	Hãng sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày cấp
1					
2					
...					

2. Đoàn giám sát gồm các Ông/Bà có tên sau đây:

- Ông/Bà ... - (Chức vụ) - Trưởng đoàn.
- Ông/Bà ... - (Chức vụ) - Thành viên.

...

3. Thời gian thực hiện: Từ ngày ... đến ngày ....

4. Đề nghị Quý đơn vị phối hợp với Đoàn giám sát thực hiện các nội dung quy định tại Điều 18 “Quy trình, thủ tục chứng nhận hợp chuẩn áp dụng tại các tổ chức chứng nhận thuộc Cục Viễn thông” ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CVT ngày / /2013 của Cục trưởng Cục Viễn thông.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT, hồ sơ.

**GIÁM ĐỐC**

**Phụ lục VIII**  
**MẪU THÔNG BÁO GIÁM SÁT ĐỘT XUẤT**  
(Kèm theo Quyết định số 350/QĐ-CVT ngày 12 tháng 09 năm 2013  
của Cục trưởng Cục Viễn thông)

---

CỤC VIỄN THÔNG  
**(TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

Số: /GSĐX-(Ký hiệu tổ chức  
chứng nhận)

..., ngày...tháng...năm...

**THÔNG BÁO**  
**Về việc: Giám sát đột xuất việc đảm bảo chất lượng sản phẩm đã được chứng nhận  
hợp chuẩn**

---

**Kính gửi: (Tên tổ chức, cá nhân)**

1. Thực hiện quy định tại Khoản 2 Điều 16 “Quy trình, thủ tục chứng nhận hợp chuẩn áp dụng tại các tổ chức chứng nhận thuộc Cục Viễn thông” ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CVT ngày / /2013 của Cục trưởng Cục Viễn thông, (tên Tổ chức chứng nhận) sẽ thực hiện giám sát đột xuất đảm bảo chất lượng sản phẩm đã được chứng nhận hợp chuẩn tại Quý đơn vị đối với (các) sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn sau:

STT	Tên sản phẩm	Ký hiệu	Hãng sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày cấp
1					
2					
...					

2. Đoàn giám sát gồm các Ông/Bà có tên sau đây:

- Ông/Bà ... - (Chức vụ) - Trưởng đoàn.
- Ông/Bà ... - (Chức vụ) - Thành viên.

...

3. Thời gian thực hiện: Từ ngày ... đến ngày ....

4. Việc giám sát đột xuất chất lượng sản phẩm tại Quý đơn vị theo yêu cầu .... Đề nghị Quý đơn vị phối hợp với Đoàn giám sát thực hiện các nội dung quy định tại Điều 18 “Quy trình, thủ tục chứng nhận hợp chuẩn áp dụng tại các tổ chức chứng nhận thuộc Cục Viễn thông” ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CVT ngày / /2013 của Cục trưởng Cục Viễn thông.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT, hồ sơ.

**GIÁM ĐỐC**

**Phụ lục IX**  
**MẪU BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC**  
*(Kèm theo Quyết định số 350/QĐ-CVT ngày 12 tháng 09 năm 2013*  
*của Cục trưởng Cục Viễn thông)*

CỤC VIỄN THÔNG  
(TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN)

**BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC**  
(Báo cáo số:           )

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Ngày đánh giá:
4. Tiêu chuẩn đánh giá: Yêu cầu:
5. Loại hình đánh giá: *(Đánh giá chứng nhận/Đánh giá bổ sung/Đánh giá giám sát lần.../Đánh giá giám sát đột xuất)*

<b>I. NỘI DUNG KHÔNG PHÙ HỢP</b>		
Loại lỗi	<i>(mức độ không phù hợp)</i>	Chuyên gia:
<b>II. NGUYÊN NHÂN</b>		
<b>III. HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC</b>		
Ngày hoàn thành:	Đại diện Tổ chức, cá nhân:	
<b>IV. BẢNG CHỨNG KÈM THEO</b>		
<b>V. KIỂM TRA HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC</b>		
<input type="checkbox"/> Chấp nhận	<input type="checkbox"/> Không chấp nhận	
Nhận xét		
Ngày:	Chuyên gia:	

**Phụ lục X**  
**MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐO KIỂM SẢN PHẨM KHÔNG PHÙ HỢP**  
(Kèm theo Quyết định số 350/QĐ-CVT ngày 12 tháng 09 năm 2013  
của Cục trưởng Cục Viễn thông)

---

**CỤC VIỄN THÔNG**  
**(TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /KQĐK-(Ký hiệu tổ chức  
chứng nhận)

..., ngày....tháng...năm...

**THÔNG BÁO**  
**Về việc: Kết quả đo kiểm mẫu sản phẩm không phù hợp**

---

**Kính gửi:**

1. Thực hiện quy định tại Khoản 2 Điều 19 “Quy trình, thủ tục chứng nhận hợp chuẩn áp dụng tại các tổ chức chứng nhận thuộc Cục Viễn thông” ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CVT ngày / /2013 của Cục trưởng Cục Viễn thông, (Tên tổ chức chứng nhận) đã thực hiện giám sát đảm bảo chất lượng sản phẩm đã được chứng nhận hợp chuẩn tại Quý đơn vị từ ngày ... đến ngày ... và lấy mẫu sản phẩm để đo kiểm.

2. Kết quả đo kiểm mẫu sản phẩm không phù hợp với tiêu chuẩn đã áp dụng chứng nhận hợp chuẩn như sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Tiêu chuẩn	Kết quả đo kiểm
1	Sản phẩm thứ nhất (Tên, ký hiệu)		
1.1	(Tên chỉ tiêu)	...	...
...			
2	Sản phẩm thứ hai (Tên, ký hiệu)		
2.1	(Tên chỉ tiêu)	...	...
...			

3. Đề nghị Quý đơn vị nghiên cứu xác định nguyên nhân và có biện pháp khắc phục để đảm bảo chất lượng cho sản phẩm của mình. Báo cáo gửi về (Tên tổ chức chứng nhận) trước ngày ....

Trân trọng kính chào.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT, hồ sơ.

**GIÁM ĐỐC**

**Phụ lục XI**  
**MẪU BÁO CÁO NGUYÊN NHÂN KHÔNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG**  
**SẢN PHẨM VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC**

*(Kèm theo Quyết định số 350/QĐ-CVT ngày 12 tháng 09 năm 2013  
của Cục trưởng Cục Viễn thông)*

---

**(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày      tháng      năm

**BÁO CÁO**

**Nguyên nhân không đảm bảo chất lượng sản phẩm và biện pháp khắc phục**

---

**Kính gửi: (Tổ chức chứng nhận)**

Thực hiện Thông báo số ... ngày ... của (Tổ chức chứng nhận), (tên tổ chức, cá nhân) đã tiến hành nghiên cứu, rà soát toàn bộ quy trình sản xuất và đảm bảo chất lượng đối với sản phẩm (tên sản phẩm), ký hiệu (ký hiệu sản phẩm). (Tên tổ chức, cá nhân) báo cáo cụ thể như sau:

1. Nguyên nhân không đảm bảo chất lượng sản phẩm:

-  
-

2. Biện pháp khắc phục:

-  
-

3. Đề nghị (Tên tổ chức chứng nhận) thực hiện lấy mẫu sản phẩm để đo kiểm lại vào ngày....

Trân trọng kính chào.

**(Đại diện tổ chức, cá nhân)**

**Phụ lục XII**  
**MẪU KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM**  
(Kèm theo Quyết định số 350/QĐ-CVT ngày 12 tháng 09 năm 2013  
của Cục trưởng Cục Viễn thông)

---

**CỤC VIỄN THÔNG**  
**(TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN)**

---

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

Số: /ĐGGS-(Ký hiệu tổ chức  
chứng nhận)

....., ngày tháng năm 201...

**KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM**  
**(Lần:...)**

Sản phẩm <i>Product</i>	:	(TÊN SẢN PHẨM) <i>(Product name)</i>
Ký hiệu <i>Model</i>	:	(KÝ HIỆU SẢN PHẨM)
Được sản xuất tại <i>Produced in</i>	:	(TÊN HÃNG SẢN XUẤT) <i>(Manufacture name)</i>
Địa chỉ <i>Address</i>	:	(ĐỊA CHỈ CỦA NƠI SẢN XUẤT) <i>(Manufacture address)</i>
Ngày đánh giá giám sát <i>Date of Monitoring</i> <i>Assessment</i>	:	ngày/tháng/năm mm dd, yyyy
Kết quả đánh giá giám sát <i>Result of Monitoring</i> <i>Assessment</i>	:	Sản phẩm đạt chất lượng theo tiêu chuẩn đã áp dụng chứng nhận tại Giấy chứng nhận hợp chuẩn số ... ngày ... <i>Re-assessed to comply with standard attached in Certificate</i> <i>No. ... dated...</i>

**GIÁM ĐỐC**